

Số: /KH-UBND

Lào cai, ngày tháng 7 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai công tác cải cách hành chính nhà nước 6 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào cai

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch số 329/KH-UBND ngày 18/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Đề án số 14-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước 6 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai đảm bảo đúng lộ trình cải cách của Chính phủ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021.

b) Tiếp tục nâng cao chất lượng hiệu quả triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thực hiện tốt chế độ công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm, chất lượng hiệu quả phục vụ người dân và tổ chức sau khi chính quyền địa phương hai cấp đi vào hoạt động.

c) Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) thực chất, hiệu quả, trong đó tập trung rà soát để thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền loại bỏ ngay những quy định, TTHC đang là rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và nước ngoài và đời sống của người dân để tháo gỡ các điểm nghẽn, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh.

d) Đổi mới toàn diện việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp.

đ) Gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với chuyển đổi số, triển khai Đề án 06, hiện đại hóa công tác chỉ đạo, điều hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp, tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ, đổi mới tư duy, hành động; áp dụng công nghệ, thông tin trong giải quyết TTHC.

e) Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công nhất là cấp xã sau khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

2. Yêu cầu

a) Nâng cao chất lượng triển khai CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương để đáp ứng yêu cầu 6 tháng cuối năm 2025 và các năm tiếp theo.

b) Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai kế hoạch CCHC, đảm bảo sự liên thông, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC một cách khoa học, đồng bộ và hiệu quả sau khi bỏ cấp trung gian (cấp huyện) và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện gửi UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để thúc đẩy xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, tạo động lực cho CCHC hiệu quả, bền vững

d) Thực hiện chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử thông qua việc sử dụng các nền tảng, dữ liệu số được kết nối, chia sẻ đồng bộ thông suốt giữa các sở, ban, ngành, địa phương và trong nội bộ cơ quan, tổ chức.

đ) Kịp thời nắm bắt, chỉ đạo xử lý hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền xử lý tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC là rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân.

e) Tăng cường công tác tuyên truyền, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận trong xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân.

f) Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ CCHC, xử lý nghiêm các trường hợp né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Mục tiêu:

a) Đẩy mạnh CCHC đồng bộ, thống nhất trên địa bàn tỉnh, đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành, xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả. Tập trung cải cách TTHC, trọng tâm là TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh cải cách tài chính công, thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong các cơ quan, đơn vị đảm bảo thống nhất liên thông và đồng bộ.

b) Chỉ số CCHC (PAR INDEX) của tỉnh nằm trong nhóm các địa phương được xếp thứ hạng cao của cả nước, góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số Chuyển đổi số (DTI).

2. Nhiệm vụ cụ thể:

2.1. Cải cách thể chế

- 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được xây dựng, ban hành đúng quy định, thống nhất theo các văn bản của Trung ương, có tính khả thi cao, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận;
- Tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội;
- Tập trung hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước;
- Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng;
- Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại các sở, ngành, địa phương. Tăng cường theo dõi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức và thi hành pháp luật. Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;
- Thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành lên cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

- Kiểm soát TTHC ngay từ khâu xây dựng văn bản QPPL; Thường xuyên giám sát, theo dõi việc thực hiện các quy định, TTHC sau khi được ban hành; kịp thời lắng nghe, phát hiện để sửa đổi, bổ sung những quy định, TTHC không còn phù hợp;
- Tiếp tục rà soát, công bố đầy đủ TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai;
- Xác định đúng phạm vi, thẩm quyền ban hành TTHC nội bộ để rà soát, đơn giản hóa; chủ động trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án đơn giản hóa, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ;
- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95%¹. Đối với lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%;
- Trên 95% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn và trước hạn.

¹ Mục tiêu của tỉnh Yên Bái (cũ) là 90% , tỉnh Lào Cai (cũ) là 95%

- 100% TTHC trên địa bàn tỉnh được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển nội bộ bằng phương thức điện tử;
- 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, với tỷ lệ giao dịch trực tuyến đạt từ 65% trở lên.
- 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương được rà soát, đánh giá để cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo các mức độ quy định và tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu là 65%²;
- 100% các cơ quan, đơn vị phải công khai TTHC liên quan đến cá nhân, tổ chức; 100% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai, cập nhật kịp thời và được cung cấp trực tuyến khi đủ điều kiện;
- 50% người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã được chấp nhận trước đó khi thực hiện TTHC;
- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã phấn đấu đạt tỷ lệ 50%. Thực hiện Tỷ lệ cấp kết quả điện tử hồ sơ thủ tục hành chính đạt 100%; tỷ lệ số hóa hồ sơ tiếp nhận, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã đạt 80%.
- 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tối thiểu 80% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến; khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; giảm tối đa thời gian, chi phí đi lại cho việc gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC của các tổ chức, cá nhân; tăng tính công khai, minh bạch khi giải quyết TTHC; nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn và kiến thức về công nghệ thông tin của cán bộ, công chức, viên chức được phân công xử lý hồ sơ TTHC, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, gắn cải cách TTHC với chuyển đổi số quốc gia.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị phù hợp với quy định và thực tiễn của tỉnh, sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và hợp nhất 02 tỉnh.
- Kịp thời ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

² Mục tiêu của tỉnh Lào Cai (cũ) là 65%² và tỉnh Yên Bái (cũ) là 50%.

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Công điện số 83/QĐ-TTg ngày 07/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; phân định thẩm quyền trong các ngành, lĩnh vực và các Nghị định của Chính phủ về phân cấp, phân quyền đối với các ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp; phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề về phân cấp, phân quyền.

2.4. Cải cách chế độ công vụ:

- Kịp thời rà soát, điều chỉnh, phê duyệt Đề án vị trí việc làm các cơ quan, tổ chức hành chính theo hướng dẫn của cơ quan Trung ương sau khi sắp xếp, sáp nhập, tinh gọn tổ chức, bộ máy theo chủ trương của Đảng về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW. Thực hiện cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nâng cao chất lượng đội ngũ; tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế.

- Tiếp tục thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua các sản phẩm cụ thể, lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo chính để đánh giá, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức gắn với công tác khen thưởng, kỷ luật.

- Quan tâm giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức, bộ máy và tinh giản biên chế.

- Tăng cường cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức; theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý; chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã; theo yêu cầu vị trí việc làm.

- Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo cơ sở dữ liệu “Đúng - Đủ - Sạch - Sống”.

- Tăng cường kiểm tra công vụ, gắn kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện đúng quy định về quy tắc ứng xử, quy chế văn hóa công sở; đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2.5. Cải cách tài chính công:

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát việc quản lý ngân sách nhà nước, thực hiện có hiệu quả công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống tài chính và tăng cường chủ động của các đơn vị dự toán ngân sách.

- Kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư công, quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước sau khi thực hiện mô hình địa phương 02 cấp và hợp nhất 02 tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

- Nâng cấp, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh đáp ứng yêu cầu triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia là điểm “một cửa sổ” tập trung, duy nhất của quốc gia;
- 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- 60% các hệ thống thông tin của địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại;
- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương được triển khai giải pháp nâng cao an toàn thông tin;
- 90% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 10% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số;
- 100% ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP);
- 100% dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức trên địa bàn tỉnh;
- 100% cơ quan hành chính trên cả 2 cấp (tỉnh - xã) được triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành;
- 95% văn bản, hồ sơ công việc của các cơ quan hành chính trên cả 02 cấp (tỉnh - xã) được xử lý trên môi trường mạng;
- 100% báo cáo định kỳ phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của tỉnh được thực hiện trực tuyến; có sự kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ;
- 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;
- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước hằng năm được truyền thông, nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, lợi ích của việc cung cấp và hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đồng thời khuyến khích trực tiếp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đã được cung cấp khi có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính;

- 100% cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham gia thiết kế, quản trị, vận hành, khai thác sử dụng hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công hằng năm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kiến thức chuyên sâu về công nghệ số, kỹ năng số;

- 100% cơ quan, đơn vị thực hiện tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử;

- 100% các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng tải các tài liệu, video clip bảo đảm thống nhất về nội dung để hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng đối với dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh;

- 100% hệ thống thông tin cơ sở thực hiện tuyên truyền, phổ biến về cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến phù hợp với đặc thù địa phương, vùng miền;

- 100% thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng hằng năm được bồi dưỡng, tập huấn nhằm cập nhật, nâng cao kiến thức và kỹ năng số để tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân về dịch vụ công trực tuyến;

- 50% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến;

- 100% ý kiến đóng góp của người dân khi sử dụng các dịch vụ công trực tuyến được cơ quan nhà nước tiếp thu công khai để cải tiến chất lượng dịch vụ công trực tuyến;

- 80% học sinh trung học phổ thông, sinh viên trên địa bàn tỉnh được phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến thông qua các hoạt động học tập, bồi dưỡng, tập huấn.

(Danh mục nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước trong dự toán ngân sách năm 2025 theo phân cấp hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

a) Căn cứ các nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể được xác định tại kế hoạch này, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch CCHC 6 tháng cuối năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương, **hoàn thành xong trước ngày 25/7/2025** (gửi về Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp); tập trung chỉ đạo, quán triệt, tổ chức triển khai, kiểm tra thực hiện đạt hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh các biện pháp nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Chủ động đề xuất thực hiện hoặc thí điểm thực hiện những mô hình, giải pháp, sáng kiến hiệu quả, có tính khả thi và có sự đồng thuận cao từ phía tổ chức, người dân để tạo sự đột phá trong công tác CCHC.

d) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC; tổ chức kiểm tra công tác CCHC tại các đơn vị trực thuộc, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích cao trong công tác CCHC theo thẩm quyền.

e) Định kỳ báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

2. Sở Nội vụ

a) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu chỉ đạo thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành; nội dung cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ.

c) Ban hành kế hoạch, quyết định thành lập Đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra công tác CCHC, VTLT, kỷ luật, kỷ cương hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh Lào Cai và các cơ quan có liên quan thực hiện thông tin, tuyên truyền về CCHC nhà nước, tình hình thực hiện CCHC nhà nước của tỉnh.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh tổ chức đánh giá, chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ; tham mưu UBND tỉnh tổ chức đánh giá, xếp hạng kết quả công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương hàng năm.

g) Hàng quý, 06 tháng, cuối năm tổng hợp, xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành báo cáo kết quả công tác CCHC gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì theo dõi, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về cải cách tài chính công, trong đó tập trung các nhiệm vụ về chỉ đạo điều hành ngân sách nhà nước; thực hiện kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện Kế hoạch đúng quy định và lồng ghép trong các chương trình, đề án, kế hoạch khác của tỉnh.

4. Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công để tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

5. Sở Tư pháp

Chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về cải cách thể chế.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về việc xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học, đề xuất, xây dựng sáng kiến, ứng dụng và nhân rộng các sáng kiến về CCHC mang lại hiệu quả cho hoạt động quản lý nhà nước.

7. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh Lào Cai

a) Chủ động xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC đặc biệt là cải cách TTHC, phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

b) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch CCHC tỉnh Lào Cai 6 tháng cuối năm 2025 sau khi hợp nhất 02 tỉnh.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai

Quan tâm, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác thông tin, truyền thông nhằm tạo sự ủng hộ của cá nhân, tổ chức đối với công tác CCHC; chỉ đạo các thành viên, hội viên tích cực tham gia các nội dung nhằm đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh, góp phần hoàn thành tốt kế hoạch CCHC hàng năm của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác cải cách hành chính nhà nước 6 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh Lào Cai;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NC (Tùng).

CHỦ TỊCH

Trần Huy Tuấn

